

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH SƠN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 09/4/2018
V/v tranh chấp “Xin ly hôn, nuôi
con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH SƠN – TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Na

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Kim Khánh
2. Ông Phạm Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần thị Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Ông Lê Huy Tất Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Y xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 193/2017/LHST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Văn H1, sinh năm 1965, Trú tại: Thôn A, xã B, huyện X, tỉnh Y (*Có mặt*)
2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị Xuân H2, sinh năm 1970, Trú tại: Thôn A, xã B, huyện X, tỉnh Y. (*Có mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 17/11/2017 của nguyên đơn và các lời khai tại Tòa án ông Trần Văn H1 trình bày: Ông và bà Trần Thị Xuân H2 lấy nhau vào năm 1992, không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu hai người sống tương đối hạnh phúc, sau do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, nên mâu thuẫn xảy ra và ngày càng trầm trọng, vì vậy ông xin được ly hôn với bà H2.

-Về con chung: Hai người có 04 người con là Trần Trọng N1– sinh năm 1993, Trần Thị Tường V– sinh năm 1994, Trần Thị Lam P– sinh năm 1998 và Trần Trọng N2 – sinh ngày 13/10/2007. Khi ly hôn ông giao cháu N2 cho bà H2 trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu N2 mỗi tháng là 1.000.000đồng/tháng cho đến khi cháu N2 đủ 18 tuổi lao động tự túc được.

-Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa bà Trần Thị Xuân H2 trình bày: Bà và ông H1 sống chung với nhau vào năm 1992, không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu bà và ông H1 sống tương đối hạnh phúc, sau do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên mâu thuẫn vợ chồng thường xảy ra. Nay ông H1 xin được ly hôn với bà, bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông H1.

-Về con chung: Có 04 người con là Trần Trọng N1 – sinh năm 1993, Trần Thị Tường V – sinh năm 1994, Trần Thị Lam P – sinh năm 1998 và Trần Trọng N2 – sinh ngày 13/10/2007. Khi ly hôn bà xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu N2 và đồng ý với sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu N2 của ông H1 là 1.000.000đồng/tháng.

-Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Y phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Y về việc giải quyết vụ án:

-Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp ly hôn, nuôi con chung. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện X theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ Điều 14, 15, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014: tuyên không công nhận ông Trần Văn H1 và bà Trần Thị Xuân H2 là vợ chồng.

-Về con chung: Giao cháu N2 cho bà H2 trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc và công nhận sự tự nguyện của ông H1 xin cấp dưỡng nuôi cháu N2 mỗi tháng là 1.000.000đồng/tháng.

-Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: ông Trần Văn H1 có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Y giải quyết việc hôn nhân và nuôi con của ông bà. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện X, tỉnh Y.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn H1 và bà Trần Thị Xuân H2 về sống chung với nhau vào năm 1992, nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống do tính tính không hợp, bất đồng quan điểm sống nên mâu thuẫn giữa ông H1 và bà H2 thường xảy ra. Nay ông H1 và bà H2 đều yêu cầu Tòa giải quyết cho được ly hôn. Tuy nhiên do ông H1 và bà H2 không đăng ký kết hôn mà vẫn chung sống với

nhau như vợ chồng. Vì vậy cần áp dụng Điều 14 luật hôn nhân gia đình năm 2014 không công nhận ông H1 và bà H2 là vợ chồng.

[3] Về con chung: Có 04 người con là Trần Trọng N1 – sinh năm 1993, Trần Thị Tường V – sinh năm 1994, Trần Thị Lam P – sinh năm 1998 và Trần Trọng N2 – sinh ngày 13/10/2007. Ông H1 và bà H2 đều thống nhất giao cháu Trần Trọng N2 cho bà H2 trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, bà H2 đồng ý với sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu N2 của ông H1 là 1.000.000đồng/tháng. Xét sự thỏa thuận giữa các đương sự phù hợp với quy định tại Điều 15 luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết, vì vậy không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Trần Văn H1 là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: ông Trần Văn H1 và bà Trần Thị Xuân H2 được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 14, 15 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Trần Văn H1 và bà Trần Thị Xuân H2 là vợ chồng.

- Về con chung: Giao cháu Trần Trọng N2 – sinh ngày 13/10/2017 cho bà Trần Thị Xuân H2 trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, hàng tháng ông H1 tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu N2 là 1.000.000đ (Một triệu đồng)/tháng cho đến khi cháu N2 đủ 18 tuổi lao động tự túc được.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về án phí: Khoản án phí ly hôn sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) ông Trần Văn H1 phải chịu nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai số 0013364 ngày 28/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện X. Ông Trần Văn H1 còn phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Ông Trần Văn H1 và bà Trần Thị Xuân H2 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (09/4/2018).

Nơi nhận:

- Các đương sự (2);
- VKSND huyện X (1);
- Chi cục THADS huyện X (1);
- Lưu: Hồ sơ, Ấn văn (2);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Na